

HOẠT ĐỘNG TIÊU CHUẨN, CHẤT LƯỢNG CÙNG VỚI HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

NGUYỄN XUÂN SONG

Phó Chi cục trưởng Chi cục TC- ĐL- CL Quảng Bình

Hoạt động quản lý chất lượng nói chung và quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá nói riêng ra đời, phát triển cùng với các hoạt động của đời sống kinh tế và xã hội, công tác quản lý chất lượng có vai trò quan trọng, tác động nhiều mặt và sâu sắc đến hầu khắp các lĩnh vực. Cùng với sự tiến bộ nhanh chóng của khoa học công nghệ, thế giới cũng chứng kiến sự phát triển không ngừng về chất lượng của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và chất lượng sống con người, để đáp ứng những đòi hỏi đó, trách nhiệm không phải chỉ thuộc về người sản xuất và còn là trách nhiệm của các nhà quản lý, đặc biệt là quản lý vĩ mô ở tầm quốc gia. Trên con đường hội nhập sâu rộng nền kinh tế quốc tế, mỗi quốc gia cũng như mỗi tổ chức doanh nghiệp phải có chính sách thích hợp để tạo ra những thương hiệu riêng cho mình, nên quản lý chất lượng được coi là một biện pháp thiết thực nhằm đẩy mạnh thương mại hóa toàn cầu, nâng cao năng lực cạnh tranh của tổ chức, doanh nghiệp cũng như sức cạnh tranh của nền kinh tế của mỗi quốc gia. Hoạt động quản lý chất lượng thực sự đóng vai trò quan trọng trong quá trình hội nhập nền kinh tế quốc tế, trong đó quản lý, nhà nước về chất lượng sản phẩm hàng hoá giữ vai trò định hướng và bảo đảm cho hoạt động chất lượng có tác động tích cực đối với sự phát triển kinh tế, đảm bảo lợi ích quốc gia. Trong những năm gần đây, nền kinh tế thế giới đang diễn ra những thay đổi to lớn theo xu thế toàn cầu hóa. Việt Nam là một nước đang phát triển nằm trong khu vực kinh tế năng động và có tốc độ tăng trưởng tương đối cao, Việt Nam đã và đang có những nỗ lực vượt bậc để nhanh chóng hội nhập về kinh tế với các nước trong khu vực và thế giới. Với xuất phát điểm từ một nền kinh tế đang phát triển và đang chuyển đổi do đó

nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng nói riêng liên tục phải điều chỉnh và đổi mới đáp ứng với trình độ phát triển kinh tế - xã hội, khoa học công nghệ và sự đa dạng của môi trường kinh tế thế giới theo xu hướng hội nhập và toàn cầu hóa. Trong quá trình này, chất lượng sản phẩm, hàng hóa đóng vai trò ngày càng quan trọng đối với sự tăng trưởng kinh tế của đất nước nói chung và sự phát triển của doanh nghiệp nói riêng, nên quản lý chất lượng là một trong những công cụ quan trọng để đảm bảo và nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Tuy nhiên, tính hiệu lực và hiệu quả của quản lý còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó phương pháp tiếp cận quản lý, môi trường và cơ chế quản lý kinh tế có tác động đáng kể đến kết quả của quản lý. Ở Việt Nam, vấn đề quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa trải qua nhiều thời kỳ khác nhau dưới tác động trực tiếp của cơ chế quản lý kinh tế và có thể chia làm 3 thời kỳ như sau:

- Trong thời kỳ cơ chế quản lý kinh tế theo mô hình kế hoạch hóa tập trung (trước năm 1990), việc quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa do Nhà nước điều hành thông qua hệ thống kế hoạch hóa. Trong cơ chế này, các cơ sở sản xuất phải đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về chất lượng quy định trong Tiêu chuẩn Việt Nam do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành. Việc quản lý chất lượng được dựa trên hệ thống các Tiêu chuẩn Việt Nam bắt buộc áp dụng.

- Trong thời kỳ quá độ (1990-2006) chuyển đổi từ cơ chế quản lý kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường, việc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã được điều chỉnh cho phù hợp với xu thế mới và bước đầu được quy định trong hệ thống pháp luật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng như: Pháp lệnh

Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 1990, Pháp lệnh Đo lường năm 1999, Nghị định số 86-CP ngày 08/12/1995 của Chính phủ quy định phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng hàng hóa, Nghị định số 179/2004/NĐ-CP ngày 21/10/2004 của Chính phủ quy định về quản lý nhà nước chất lượng sản phẩm, hàng hoá. Hoạt động quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm được quy định dựa trên danh mục các sản phẩm bắt buộc phải chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, đối với hoạt động quản lý chất lượng của doanh nghiệp thông qua việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng. Việc điều chỉnh và tiếp cận phương thức quản lý chất lượng bắt đầu chuyển biến về nhận thức cũng như hành động cụ thể để có thể vận hành hoạt động quản lý chất lượng phù hợp với xu thế chung của thế giới, đặc biệt khi Việt Nam tham gia làm thành viên của ASEAN năm 1995, thành viên ASEM năm 1996, thành viên APEC năm 1998, ký kết hiệp định thương mại Việt - Mỹ năm 2000 và chuẩn bị tham gia Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) vào những năm 2004-2006, thì nhu cầu đổi mới phương thức tiếp cận quản lý chất lượng phù hợp với cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế là tất yếu và khách quan.

- Trong thời kỳ sau năm 2006: Hệ thống pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng đã được hoàn thiện, nhất là từ khi Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) năm 2007. Sự chuyển biến cả về nhận thức lẫn hành động trong quản lý chất lượng, cách tiếp cận đến các phương thức quản lý được quan tâm đổi mới. Cụ thể việc ban hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006 và Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 đã thể hiện điều đó, đồng thời tạo nền tảng và hành lang pháp lý cho hoạt động quản lý về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm hàng hoá, trong đó phân định lĩnh vực quản lý chất lượng và quản lý nhà nước về chất lượng là hai phạm trù quản lý khác nhau. Về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa là trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh nhằm bảo đảm an toàn cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường; nâng cao năng suất, chất

lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa Việt Nam; còn quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa là trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhằm thực thi các quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã quy định nguyên tắc quản lý cơ bản về chất lượng sản phẩm, hàng hóa là dựa trên cơ sở tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, trên cơ sở đó phân định rõ hai nhóm đối tượng quản lý: Sản phẩm, hàng hoá không có khả năng gây mất an toàn (sản phẩm, hàng hoá nhóm 1) được quản lý được quản lý chất lượng trên cơ sở tiêu chuẩn do người sản xuất công bố áp dụng; Sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn (sản phẩm, hàng hóa nhóm 2) được quản lý chất lượng trên cơ sở quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành và tiêu chuẩn do người sản xuất công bố áp dụng. Với quy định này thì hoạt động quản lý nhà nước về chất lượng trong giai đoạn mới là hoạt động quản lý về an toàn, vệ sinh, môi trường của sản phẩm và tác động của nó tới xã hội thông qua hệ thống quy chuẩn kỹ thuật bắt buộc áp dụng, các thông tư và các biện pháp thanh tra, kiểm tra được thực thi và sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa với các văn bản quản lý trên; Đối với quản lý chất lượng trong doanh nghiệp được thực hiện trên cơ sở bộ tiêu chuẩn cơ sở, bao gồm: tiêu chuẩn cho sản phẩm, tiêu chuẩn về hệ thống quản lý và các công cụ cải tiến. Qua đó cho thấy sự thay đổi cách tiếp cận quản lý trên chính là sự chuyển dịch phương thức tiếp cận quản lý chất lượng từ mệnh lệnh hành chính mang tính chủ quan đến tiếp cận gắn với bản chất khách quan của chất lượng theo luật định và hướng tới phương thức tiếp cận quản lý chất lượng trên cơ sở tiêu chuẩn và hợp chuẩn. Tiêu chuẩn, hợp chuẩn trở thành điểm mấu chốt của phương pháp tiếp cận quản lý mới phù hợp với cơ chế quản lý kinh tế thị trường, là chìa khóa giúp các doanh nghiệp tồn tại và phát triển bền vững, hội nhập có hiệu quả với nền kinh tế thế giới.

Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa quy định

các hoạt động xây dựng và ban hành tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở, quy chuẩn kỹ thuật. Việc thực hiện theo các quy định nêu trên được các bên có liên quan thực hiện, kiểm soát thông qua hoạt động đánh giá sự phù hợp của các sản phẩm và dịch vụ với các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật được yêu cầu. Trong suốt quá trình quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật luôn đồng hành và làm cơ sở cho các hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh thương mại không những trong phạm vi quốc gia mà cả phạm vi quốc tế và khu vực. Tiêu chuẩn quốc tế sử dụng như là cơ sở cho việc xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật bắt buộc áp dụng, cũng là cơ sở để các hoạt động đánh giá sự phù hợp thực hiện chức năng của mình thông qua việc áp dụng tiêu chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia là tài liệu tự nguyện áp dụng và nó chỉ trở thành bắt buộc áp dụng khi được viện dẫn vào các văn bản quy phạm pháp luật. Theo Hiệp định về rào cản kỹ thuật trong thương mại WTO/TBT và Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật là văn bản quy định về mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý mà sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội phải tuân thủ để bảo đảm an toàn, vệ sinh, sức khỏe con người, bảo vệ động thực vật, môi trường; bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia, quyền lợi của người tiêu dùng và các yêu cầu thiết yếu khác.

Một trong những yêu cầu đối với hoạt động tiêu chuẩn, hợp chuẩn phải đảm bảo sự phù hợp với luật pháp là yêu cầu mấu chốt trong thương mại quốc tế. Hàng hóa xuất khẩu phải chứng minh sự phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật tại thị trường ở nước ngoài, cũng như cung cấp các báo cáo thử nghiệm và kiểm tra hoặc chứng chỉ sự phù hợp để chứng minh rằng sản phẩm đáp ứng được các tiêu chuẩn xác định hoặc các yêu cầu kỹ thuật theo yêu cầu của khách hàng. Tiêu chuẩn, hợp chuẩn là công cụ quan trọng để làm thuận lợi hóa thương mại trong phạm vi toàn cầu, trong khuôn khổ hợp tác kinh tế khu vực. Hoạt động tiêu chuẩn, hợp chuẩn được thể hiện ở hai cấp

độ khác nhau. Về phía nhà nước thì hoạt động này được thể hiện qua việc hài hòa tiêu chuẩn quốc gia với tiêu chuẩn quốc tế thông qua việc chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực và tiêu chuẩn nhà nước tiên tiến hiện hành thành tiêu chuẩn quốc gia; Tham gia xây dựng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực từ đó chấp nhận chúng thành tiêu chuẩn quốc gia; Hài hòa các thủ tục, quá trình xây dựng tiêu chuẩn quốc gia với thủ tục, quá trình xây dựng tiêu chuẩn được thừa nhận khu vực hoặc quốc tế; Việc xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trên cơ sở viện dẫn tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế vào nội dung của quy chuẩn kỹ thuật, dùng các phương pháp thử tiêu chuẩn để kiểm soát sản phẩm trong quá trình sản xuất và sử dụng công cụ đánh giá sự phù hợp để kiểm soát sản phẩm, hàng hóa trong lưu thông, sử dụng, tạo điều kiện cho việc ký kết và thực hiện các thỏa thuận/hiệp định thừa nhận lẫn nhau kết quả thử nghiệm hoặc chứng nhận. Đối với quản lý chất lượng ở doanh nghiệp được thực hiện trong suốt vòng đời của sản phẩm và đảm bảo sản phẩm có chất lượng phù hợp với mục đích sử dụng và nhu cầu thị trường, tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan và được kiểm soát trong quá trình sản xuất, lưu thông, bảo quản, vận chuyển thông qua việc áp dụng tiêu chuẩn sản phẩm.

Hiện nay, hệ thống tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam cơ bản đáp ứng yêu cầu cho hoạt động quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa của đất nước trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Tính đến hết tháng 12/2015, có 8.625 tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) đã được Bộ KH&CN công bố. Hiện tại mức độ hài hòa của hệ thống TCVN đối với các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực đạt trên 45%, mục tiêu đến năm 2020 là 60% nhằm đảm bảo cho vị trí của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của Việt Nam tại thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế, đóng góp vào mục tiêu đưa nền kinh tế Việt Nam hội nhập sâu rộng với kinh tế thế giới. Về hệ thống QCVN hiện hành được hình thành và phát triển trên cơ sở quy định của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và tính đến tháng 12/2015 có tổng số QCVN hiện có là 632

QCVN, do 13 Bộ quản lý chuyên ngành xây dựng, ban hành. Cụ thể như sau: Trong tổng số 632 QCVN, số lượng QCVN điều chỉnh đối tượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa là 425 QCVN, chiếm tỷ lệ 67% tổng số QCVN hiện hành, tập trung vào các vấn đề an toàn, chất lượng, bảo vệ môi trường, sức khỏe... Với kết quả này, hiện còn 86 đối tượng/nhóm đối tượng sản phẩm hàng hóa nhóm 2 còn chưa có QCVN tương ứng. Việc thực hiện hài hòa tiêu chuẩn có tác động tích cực trong quá trình trao đổi thông tin qua lại về tiêu chuẩn chất lượng được nhanh hơn, giúp các nhà kinh doanh có định hướng tốt hơn trong chiến lược về sản phẩm; Giúp các cơ quan nhà nước trong việc xem xét, ban hành các quy chuẩn kỹ thuật; Cải thiện và nâng cao chất lượng hàng hóa để tạo tiền đề cần thiết cho quá trình hài hòa tiêu chuẩn tiếp tục; Tạo tiền đề cho sự cạnh tranh lành mạnh giữa các loại hình doanh nghiệp; Tiết kiệm thời gian, kinh phí cho việc nghiên cứu xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia; Đảm bảo được tính tương thích với yêu cầu kỹ thuật của các nước khác, từ đó sản xuất ra các sản phẩm, hàng hoá đáp ứng yêu cầu của thị trường nước ngoài; Hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu và sản xuất để xuất khẩu có cơ hội tốt để tiếp cận thị trường nhập khẩu và hạn chế được rủi ro do hàng hóa của họ không được chấp nhận vì không phù hợp với tiêu chuẩn và các quy chuẩn kỹ thuật của các nước nhập khẩu; Đảm bảo sự tương đồng với những quy định được thiết lập dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và bảo vệ môi trường liên quan đến sản phẩm ... Như vậy, tiêu chuẩn hóa là một trong những hoạt động cần được đẩy mạnh trong hoạt động hợp tác kinh tế, khuôn khổ các tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế và khu vực, do lợi ích mà nó có thể mang lại cho sự phát triển kinh tế quốc gia, khu vực và thế giới, thúc đẩy phát triển thương mại quốc tế. Hoạt động tiêu chuẩn đóng vai trò quan trọng trong việc đem lại giá trị gia tăng cho doanh nghiệp và quốc gia. Do đó, trong những năm gần đây hoạt động tiêu chuẩn diễn ra rất sôi động với việc hàng năm có hàng trăm

tiêu chuẩn và quy chuẩn được ban hành, nhiều thiết bị đo và thử nghiệm được kiểm định và hiệu chuẩn, nhiều phương pháp thử tiêu chuẩn được thực hiện và nhiều tổ chức, sản phẩm được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn tương ứng, phục vụ đắc lực cho quản lý và phát triển kinh tế. Hoạt động tuyên truyền phổ biến về tiêu chuẩn nhằm nâng cao nhận thức và kiến thức về tiêu chuẩn là biện pháp quan trọng để thực hiện quản lý chất lượng có hiệu quả. Hoạt động tiêu chuẩn và hợp chuẩn là hoạt động mang tính kinh tế kỹ thuật, có liên quan mật thiết với hoạt động quản lý nhà nước và hoạt động cụ thể của doanh nghiệp trong việc quản lý chất lượng. Tiêu chuẩn, hợp chuẩn là cầu nối giữa kết quả vững chắc của khoa học và công nghệ, các phát minh sáng chế đến sản xuất và người tiêu dùng và nó tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm, hàng hóa.

Có thể nói hoạt động tiêu chuẩn, chất lượng bước đã đạt được thành tựu nhất định, xây dựng được một hệ thống văn bản pháp quy và tạo nền tảng vững chắc trong quản lý chất lượng sản phẩm hàng hoá; thiết lập cơ chế và phương thức hoạt động ngày càng phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế đất nước và xu thế hội nhập quốc tế; Tạo nên sự chuyển biến lớn nhận thức về tiêu chuẩn và chất lượng sản phẩm hàng hoá của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp. Cơ quan quản lý nhà nước xác định được phạm vi quản lý nhà nước đối với chất lượng sản phẩm, hàng hóa, đối với doanh nghiệp nhận thức được trách nhiệm của mình đối với chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Tăng cường hợp tác với các tổ chức chất lượng ở các nước qua đó tạo thuận lợi cho thương mại và giao lưu kinh tế vừa bảo vệ lợi ích quốc gia và quyền lợi người tiêu dùng; Hài hòa tiêu chuẩn quốc gia với tiêu chuẩn quốc tế giúp cho các doanh nghiệp đáp ứng được các yêu cầu về chất lượng và tiếp cận được thị trường tránh các rủi ro; Nâng cao năng suất, chất lượng, sản phẩm hàng hoá và dịch vụ, sức cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam ngày càng được nâng cao, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong tiến trình hội nhập kinh tế và toàn cầu hóa ■